TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG

Bản án số: 214 /2023/DS-PT
Ngày 14 - 9 - 2023
V/v "tranh chấp Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu tài sản"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Lễ

Các Thẩm phán: Ông Đào Chí Keo;

Bà Trần Thị Thúy Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân là Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh AG : Ông Đỗ Phước Thành- Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 14 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh AG xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 182/2023/TLPT-DS ngày 31 tháng 7 năm 2023 về việc "Tranh chấp Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 95/2023/TLPT-DS ngày 06 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố LX, tỉnh AG bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 208/2023/QĐPT-DS ngày 31 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1 Ông Lê Văn T, sinh năm 1947 (chết 12/6/2023);

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng Ông T gồm:

1.1.1 Bà Lê Thị H, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Số 6, Lê L, phường Mỹ B, thành phố LX, tỉnh AG.

1.1.2 Bà Lê Thị L1, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Số 2/9B, tổ 12, ấp 3, phường Đ Ông T1, Quận Hóc M, thành phố HCM.

1.1.3 Bà Lê Văn K, sinh năm 1978 (vắng mặt)

1.1.4 Ông Lê Văn K1 (đã chết 2004), có con là Lê Hạ Vy, sinh năm 2003

Nơi cư trú: 399/1, khóm Đ Th3, thành phố LX, tỉnh AG (vắng mặt).

1.1.5 Bà Trần Thị Bạch T2, sinh năm 1951(vắng mặt);

Cùng cư trú: Số 399/1, khóm Đ Th 3, phường MPh ,thành LX, tỉnh AG.

Người đại diện hợp pháp cho Bà T2: Ông Dương Văn Ngh, sinh năm 1964, nơi cư trú: Khóm BK, phường MK, thành phố LX, tỉnh AG là người đại diện ủy quyền theo hợp đồng ủy quyền ngày 04/8/2023 (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1935, nơi cư trú: Số 397/1, khóm ĐTh 3, phường MPh, thành phố LX, tỉnh AG (Ông M chết ngày 15/01/2022).

Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của Ông M gồm:

2.1 Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Số 397/1, khĐ Th3, phường M P, thành phố LX, tỉnh AG.

2.2 Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1971 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Số 397/1, khóm ĐTh 3, phường MPh, thành phố LX, tỉnh AG.

2.3 Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Số 397/1, khóm ĐTh 3, phường M Ph, thành phố LX, tỉnh AG.

2.4 Nguyễn Minh T4, sinh năm 1980.

Nơi cư trú: Số 617, khóm TKh 6, phường MH, thành phố LX, tỉnh AG.

Người đại diện hợp pháp cho ông T2 Ông NguyễnVăn H, sinh năm 1962, nơi cư trú: Số 33 Triệu Q Ph, khóm ĐTh 3, phường MPh, thành phố LX, tỉnh AG là người đại diện ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 04/8/2023(có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông T: Ông Trần Văn Ngh2 là Luật sư - Văn phòng Luật sư Trần Văn Ngh2 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh AG, địa chỉ: Số 53 Ngô Văn S, phường ĐX, thành phố LX, tỉnh AG (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ủy ban nhân dân thành phố LX.

Địa chỉ: Số 99, đường Nguyễn Th H, phường MB, thành phố LX, tỉnh AG (có đơn xin vắng mặt).

3.2 Bà Nguyễn Thị Ph1, sinh năm 1936, nơi cư trú: Số 617, khóm Tây Khánh 6, phường MH, thành phố LX, tỉnh AG (Bà Ph1chết ngày 12/10/2022).

Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của Bà Ph1gồm:

3.2.1 Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Số 397/1, khóm ĐTh 3, phường MPh, thành phố LX, tỉnh AG.

3.2.2 Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1971(vắng mặt).

Nơi cư trú: Số 397/1, khóm Đ Th3, phường M Ph, thành phố LX, tỉnh AG.

3.2.3 Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Số 397/1, khóm ĐTh 3, phường MPh, thành phố LX, tỉnh AG.

3.2.4 Nguyễn Minh T4, sinh năm 1980.

Nơi cư trú: Số 617, khóm T Kh 6, phường MH thành phố LX, tỉnh AG (có mặt).

Do có kháng cáo của ông Nguyễn Minh T4 là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Ông M, Bà Ph1là bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/10/2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 09/11/2017, ngày 29/11/2017 cùng lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn ông Dương Văn Ngh trình bày:

Ông Lê Văn T và bà Trần Thị Bạch T2 được ông, bà cho một phần đất diện tích đất trước năm 1980 (đất không có giấy tờ). Ông T và Bà T2 đang quản lý, sử dụng. Sau đó Ông T, Bà T2 có xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với một phần diện tích đất nêu trên và đã được UBND thành phố LX cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.02242eA ngày 27/6/2006, thửa đất số 44, tờ bản đồ số 23, diện tích 887,70 m^2 (trong đó đất ở đô thị 200 m^2, đất trồng cây lâu năm 687,70 m^2), còn lại là 140 m^2 phần đất ao, Ông T, Bà T2 xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông Nguyễn Văn M đứng ra tranh chấp cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, theo Bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh LX lập ngày 23/8/2019 thì phần diện tích đo đạc thực tế là 134,1m^2. Do đó, Ông T, Bà T2 yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố LX xác định phần diện tích đất 134,1m^2 thuộc quyền sử dụng của Ông T, Bà T2 để ông bà có căn cứ để xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn T(là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị Phấn), ông Trần Văn Nghĩa trình bày:

Nguồn gốc đất các bên tranh chấp là của bà Trần Thị Đ tạo lập trước 1975, Bà Đ chết năm 1958 để lại cho ông Nguyễn Văn Th4 (cha của Ông M, bà Ph1) quản lý, sử dụng từ năm 1960, có kê khai theo chủ trương chung của Nhà nước. Ông T có quan hệ anh em bạn dì với Ông M, Bà Ph1nên Ông M có cho Ông T phần diện tích đất khoảng 248m^2, Ông T đã kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 887,7m^2, còn phần diện tích khoảng 140m^2 nằm ngoài giấy chứng nhận của Ông T đã kê khai. Do đó, Ông tlà người kế thừa quyền, nghĩa vụ của Ông M, Bà Ph1không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông T, Bà T2. Yêu cầu xác định phần diện tích còn lại sau khi đo đạc là 134,1m^2 thuộc quyền quản lý, sử dụng của người kế thừa quyền, nghĩa vụ của Ông M, Bà Ph1theo Bản trích đo hiện trạng của Văn phòng đăng ký đất đai ngày 23/8/2019, trong đó có phần mái che trên phần đất là 16,5m^2 buộc của Ông T, Bà T2 phải tháo dỡ. Đồng thời, xác định người kế thừa quyền, nghĩa vụ của Ông M được sở hữu số tiền 72.662.100 đồng do Nhà nước thu hồi diện tích đất 35,9m^2 theo Quyết định thu hồi đất số 137/QĐ-UBND do Ủy ban nhân thành phố LX ký ngày 04/4/2016 và Quyết định bồi thường giá trị đất số 268/QĐ-UBND do Ủy ban nhân dân thành phố LX ký ngày 04/4/2016. Yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp theo Bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh LX lập ngày 23/8/2019, không tranh chấp phần diện tích đất được đo đạc lại theo yêu cầu của Ông M tại Bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh LX lập ngày 07/12/2020.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 95/2023/DSST ngày 06/6/2023 của TAND thành phố LX. Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xác định ông Lê Văn T, bà Trần Thị Bạch T2 được quyền quản lý, sử dụng phần diện tích đất 134,1m^2 được giới hạn bởi các điểm 5, 19, 16, 4 theo Bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh LX lập ngày 23/8/2019.

Ông T, Bà T2 có trách nhiệm liên hệ các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền kê khai, xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thực hiện quyền, nghĩa vụ chung của người sử dụng đất theo quy định pháp luật.

[2] Không chấp nhận yêu cầu phản tố ông Nguyễn Minh T4 và yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Phấn, về việc:

Yêu cầu được quản lý, sử dụng phần diện tích 134,1m^2 được giới hạn bởi các điểm 5, 19, 16, 4 theo Bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh LX lập ngày 23/8/2019;

Yêu cầu Ông T, Bà T2 tháo dỡ mái che có diện tích 16,5m^2;

Yêu cầu được sở hữu số tiền 72.662.100 đồng do Nhà nước thu hồi diện tích đất ao 35,9m^2 theo Quyết định thu hồi đất số 137/QĐ-UBND do Ủy ban nhân thành phố LX ngày ký 04/4/2016 và Quyết định bồi thường giá trị đất số 268/QĐ-UBND do Ủy ban nhân dân thành phố LX ký ngày 04/4/2016.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng các đương sự phải chịu và quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án của đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm. Ngày 08 tháng 6 năm 20223 ông Nguyễn Minh T4 là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Ông M, Bà Ph1là bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét Sửa Bản án sơ thẩm số 95/2023/DSST ngày 06/6/2023 của TAND thành phố LX:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T đối với phần đất diện tích 134,1m^2.

2. Công nhận diện tích 134,1m^2 thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông Nguyễn Văn M.

3. Công nhận số tiền bồi hoàn thu hồi đất gồm: 72.662.100đ và tiền thưởng 2.000.000đ theo Quyết định số 268/QĐ-UBND ngày 04/4/2016 và 2.000.000đ theo Quyết định khen thưởng số 684/ QĐ-UBND ngày 17/6/2016 của UBND thành phố LX cho ông Nguyễn Văn M, Ông M chết nên tạm giao cho ông Nguyễn Văn T quản lý, sử dụng.

4. Trường hợp Tòa án cấp phúc thẩm xem xét Tòa sơ thẩm có vi phạm tố tụng thì yêu cầu Hủy bản án sơ thẩm.

Các đương sự khác trong vụ án không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị.

Tranh luận tại phiên tòa:

Phát biểu lý đoán của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:

Ông T, Bà T2 khởi kiện Ông M (năm 2022 Ông M chết) tranh chấp phần đất diện tích 140m^2 tại phường MPh, khi còn sống Ông M có yêu cầu phản tố là yêu cầu công nhận số tiền bồi hoàn thu hồi đất 72.662.100đ, đồng thời yêu cầu Tòa án bác bỏ yêu cầu tranh chấp đất của Ông T, Bà T2. Sau khi Ông M chết Tòa án đưa Bà Ph1em ruột Ông M vào tham gia tố tụng với tư cách là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Ông M, nhưng sau đó cuối năm 2022 Bà Ph1cũng chết, nên Ông tvà các anh chị em của Ông tđược Tòa án đưa vào tham gia tố tụng với tư cách là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Ông M, bà Phấn. Ông M có 04 người con: Nguyễn Minh T4, Nguyễn Văn Ph, Nguyễn Văn Kh, và Nguyễn Thị Thùy L. Riêng Bà Ph1không có chồng con. Nguồn gốc diện tích đất 140m^2 tọa lạc tại đường Triệu Q Ph, phường MPh do bà Trần Thị Đ (Bà nội Ông M) kê khai chung diện tích gần 2 hec ta thuộc các thửa 136, 137 trên biên bản thiết lập quyền sở hữu bằng tiếng Pháp.

Khi khởi kiện nguyên đơn cho rằng nguồn gốc đất là do bà C cho lại nhưng chỉ nói miệng chứ không có chứng cứ, khi Nhà nước giải tỏa bồi hoàn thì kê khai nguồn gốc đất là do vợ chồng nguyên đơn quản lý, sử dụng dùng để nuôi cá, Ông M chứng minh được đây là đất của bà Trần Thị Đ bằng văn bản "Thiết lập quyền sở hữu" thuộc chế độ cũ, Ông M có kê khai mẫu chung.

Do Bà Đmất từ năm 1956, ông Thé là con nên đương nhiên được hưởng từ bà Đồng, sau nầy thì Ông M, Bà Ph1quản lý liên tục từ năm 1956 đến năm 2011 (thời điểm nhà nước giải tỏa thu hồi), Ông T là cháu không có quyền gì trên đất nầy, thời hiệu chia thừa kế không còn. Khi Ông T kê khai xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì Ông M là người ký giáp ranh tứ cận, Bản án sơ thẩm căn cứ vào báo cáo xác minh của Trung Tâm phát triển quỹ đất thành phố LX là Ông T quản lý sử dụng là không có cơ sở, vì trên phần đất còn các cây trồng do phía Ông M trồng. Từ những chứng cứ phân tích nêu trên. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành Phố LX:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn ông Lê Văn T và bà Trần Thị Bạch T2 tranh chấp đối với diện tích đất 134,1m^2 tọa lạc tại đường Triệu Quang Phục, phường Mỹ Phước, thành phố LX, tỉnh AG.

2. Công nhận phần diện tích đất 134,1m^2 theo Bản trích đo ngày 23/8/2019 của cơ quan quản lý đất đai thành phố LX thuộc quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn M, vì Ông M chết nên diện tích đất nầy thuộc quyền thừa kế của ông Nguyễn Minh T4, Nguyễn Văn Kh, Nguyễn Văn Ph và Nguyễn Thị Thùy L.

3. Tuy nhiên do ông Nguyễn Văn Kh, ông Nguyễn Văn Ph, bà Nguyễn Thị Thùy L không có văn bản trình bày ý kiến, không thể hiện ý chí. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử tạm giao phần đất cho ông Nguyễn Minh T4 quản lý, sử dụng.

4. Buộc ông Lê Văn T, bà Trần Thị Bạch T2 tháo dở mái che tạm trên phần đất có diện tích 16,5m^2 nằm trong phần diện tích 134,1m^2, giao trả toàn bộ phần đất tranh chấp cho ông Nguyễn Minh T4 trực tiếp nhận, quản lý, sử dụng.

5. Công nhận số tiền được Nhà nước bồi hoàn thu hồi đất bao gồm: Tiền bồi hoàn đất và cây trồng 72.663.100 đồng, tiền thưởng 2.000.000 đồng theo các quyết định số: 268/QĐ-UBND ngày 04/04/2016 và quyết định số: 684/QĐ-UBND thành phố LX thuộc quyền sở hữu ông Nguyễn Văn M (chết) do ông Nguyễn Minh T4 đại diện nhận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh AG tham gia phiên tòa và phát biểu ý kiến: Tại giai đoạn phúc thẩm những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và tuân thủ đúng pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định về phiên tòa phúc thẩm, đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử, thành phần HĐXX, thư ký phiên tòa và thủ tục phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Ông Lê Văn T và bà Trần Thị Bạch T2 khởi kiện ông Nguyễn Văn M (chết năm 2002) tranh chấp phần đất diện tích 140m^2 tại phường Mỹ Phước, thành phố LX, khi Ông M còn sống, Ông M có đơn yêu cầu phản tố yêu cầu công nhận phần đất diện tích 134,1m^2 thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông Nguyễn Văn M và thụ hưởng toàn bộ số tiền Nhà nước bồi hoàn 72.662.100đ (phần diện tích đất bị thu hồi và bồi thường theo Quyết định thu hồi đất số 137/QĐ-UBND ngày 04/4/2016 và Quyết định bồi thường giá trị đất số 268/QĐ- UBND của Ủy ban nhân dân thành phố LX), đồng thời Ông M yêu cầu bác bỏ toàn bộ yêu cầu tranh chấp đất của Ông T Bà T2.

Sau khi Ông M chết, bà Nguyễn Thị Ph1 em ruột Ông M được Tòa án đưa vào tham gia tố tụng với tư cách kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Ông M, tuy nhiên sau đó cuối năm 2022 Bà Ph1tiếp tục bệnh chết, nên Ông tvà các anh chị em của Thoại được Tòa án đưa vào tham gia tố tụng với tư cách người kế thừa quyền và tố tụng của Ông M bà Ph1.

Tài liệu hồ sơ thể hiện, diện tích đất tranh chấp lúc đầu được xác định là 213,50 m^2 tọa lạc tại đường Triệu Q Ph phường MPh, thành phố LX các bên đều thống nhất có nguồn gốc của ông bà họ tộc để lại cho bà Trần Thị Đ (bà nội Ông M và là bà ngoại của Ông T) đứng tên kê khai với diện tích chung trên 02 hec ta thuộc các thửa 136, 147 trên "Biên bản thiết lập quyền sở hữu" và được Ty Địa bộ đo vẽ địa hình (thời pháp thuộc) xác lập vào ngày 25/8/1915.

Sau khi Bà Đ chết, phía Ông M cho rằng phần đất này được chuyển giao cho ông Nguyễn Văn Th4 quản lý, sử dụng từ năm 1960 kèm với "Bản thiết lập quyền sở hữu" (bản vẽ này được chuyển tiếp cho ông Nguyễn Văn Th4 sau này là ông Nguyễn Văn M cất giữ).

Trong tổng thể diện tích đất của Bà Đ để lại thực tế đã bị các hộ khác lấn chiếm trong đó có người ngoài họ tộc, phần còn lại ông Th4 chỉ quản lý là các khu đất trống và được ông Th4 kê khai, riêng phần đất trên 400m^2 chưa được kê khai, khi ông Th4 còn sống ông Th4 có cho Ông T trên 200m^2 để Ông T hợp thức hóa và cất nhà (Ông T được cho đất vì lúc nhỏ có ở chung nhà với ông Th4).

Phía ông Lê Văn T và bà Trần Thị Bạch T2 khai được ông, bà cho một phần đất trước năm 1980 (không có giấy tờ). Sau đó Ông T, Bà T2 có xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với một phần diện tích đất nêu trên và đã được UBND thành phố LX cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.02242eA ngày 27/6/2006, thửa đất số 44, tờ bản đồ số 23, diện tích 887,70 m2 (trong đó đất ở đô thị 200 m2, đất trồng cây lâu năm 687,70 m3), còn lại là 140m^2 phần đất ao, Ông T, Bà T2 tiếp tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bị ông Nguyễn Văn M đứng ra tranh chấp.

Thực tế vào năm 2011 Nhà nước tiến hành giải tỏa, bồi hoàn mở rộng đường Triệu QPh, cả hai bên đều kê khai phần đất còn lại là 213,5m^2 (chưa được cấp giấy CN QSDĐ), trong đó có phần diện tích 35,9m^2 nằm trong quy hoạch giải tỏa đền bù của dự án mở rộng đường Triệu Quang Phục. Qua nhiều lần các cơ quan Nhà nước tiến hành hòa giải không thành, nên cả hai bên (gia đình Ông T và Ông M) đều thống nhất với phương thức để cơ quan giải tỏa bồi hoàn lập biên bản ra quyết định thu hồi diện tích 35,9 m^2 với số tiền 72.662.100 đồng, đứng tên chung đất đang tranh chấp của hộ ông Lê Văn T và hộ ông Nguyễn Văn M (Bút lục số 205, 210: Quyết định thu hồi đất số 157/QĐ-UBND ngày 04/4/2016 và Quyết định bồi thường giá trị đất số 268/QĐ- UBND của Ủy ban nhân dân thành phố LX), đồng nghĩa với việc nếu sau này có quyết định giải quyết tranh chấp đất có hiệu lực của Cơ quan nhà nước thẩm quyền thì hộ nào được công nhận QSDĐ đối với diện tích 35,9m^2 sẽ được thụ hưởng số tiền 72.662.100 đồng do Nhà nước bồi hoàn và khen thưởng.

Quá trình giải quyết vụ việc tranh chấp đất giữa hộ Lê Văn T và Nguyễn Văn M do UBND hai cấp phường Mỹ Phước và UBND thành phố LX thực hiện kéo dài nhưng không có kết quả, thể hiện:

+ Văn bản số 217/VP-NC ngày 11/4/2016 của Văn phòng UBND thành phố LX có nội dung: "Ngày 07/04/2016, UBND thành phố tổ chức buổi đối thoại giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Nguyễn Văn M với ông Lê Văn T. Qua buổi đối thoại các bên không thống nhất với kết quả xác minh của cơ quan chuyên môn về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất, đồng thời đề nghị xác minh lại trước khi xem xét giải quyết tranh chấp. Kết quả đối thoại Chủ tịch UBND thành phố Đỗ Tấn K1 kết luận như sau:

Giao Thanh tra phối hợp với phòng Tài nguyên và Môi trường và UBND phường Mỹ Phước tổ chức rà soát xác minh, báo cáo đề xuất giải quyết, đăng ký thông qua họp xét của Đoàn công tác cấp thành phố về giải quyết khiếu nại của công dân".

+ Văn bản số 1200/UBND-NC ngày 02/4/2018 của UBND thành phố LX thể hiện: "Ủy ban nhân dân thành phố LX có nhận được Văn bản số 50/CV- TA ngày 16/3/2018 của Tòa án nhân dân thành phố LX. Nội dung yêu cầu UBND thành phố cho biết có đang giải quyết tranh chấp đất đai giữa Ông M, Ông T, Bà T2 theo Công văn số 600/VP-NC ngày 08/8/2017 hay không. Trên cơ sở báo cáo của ngành chuyên môn, Ủy ban nhân dân thành phố LX phúc đáp Tòa án nhân dân thành phố LX như sau:

Đất tranh chấp giữa Ông M và Ông T qua xác minh của ngành chuyên môn thì phần đất này có nguồn gốc của ông bà họ tộc để lại cho bà Trần Thị Đồng sử dụng trước năm 1975, Bà Đ là bà nội của Ông M và bà ngoại của Ông T). Trong quá trình tranh chấp Ông M và Ông T không cung cấp được các giấy tờ có liên quan đến phần đất tranh chấp và cũng không chứng minh được quá trình sử dụng đất ổn định lâu dài, liên tục. Do đó, không đủ điều kiện để Ủy ban nhân dân thành phố LX xem xét giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa Ông M và Ông T được quy định tại Điều 91 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. Vì vậy, UBND thành phố kiến nghị Tòa án nhân dân thành phố LX xem xét thụ lý vụ việc theo quy định".

+ Báo cáo v/v giải quyết đơn tranh chấp đất đai số 23/BC-TNMT ngày 30/3/2018 " Thực hiện theo chỉ đạo UBND thành phố LX tại cuộc họp Nội chính ngày 23/3/2018. Phòng Tài nguyên và Môi trường báo cáo và đề xuất về vụ việc này như sau: Năm 2013, Phòng Tài nguyên và Môi trường có nhận được đơn tranh chấp đất đai của ông Nguyễn Văn M với nội dung: Tranh chấp quyền sử dụng đất với ông Lê Văn T, vị trí khu đất tranh chấp tọa lạc tại phường M Ph

Qua thu thập hồ sơ và xác minh về nguồn gốc đất của Ông M thể hiện như sau: Đất tranh chấp có diện tích 213,50m^2 có nguồn gốc của ông bà họ tộc để lại cho bà Trần Thị Đ sử dụng trước năm 1975, Bà Đ là bà nội của Ông M và bà ngoại của Ông T). Trong quá trình tranh chấp Ông M và Ông T không cung cấp các giấy tờ có liên quan đến phần đất tranh chấp và cũng không chứng minh được quá trình sử dụng đất ổn định lâu dài, liên tục. Do đó, trường hợp đơn tranh chấp đất đai của Ông M là không đủ điều kiện để UBND thành phố LX xem xét giải quyết tranh chấp theo quy định tại Điều 91 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Ngoài ra, việc tranh chấp đất đai giữa Ông M với Ông T liên đến họ tộc trong gia đình, phát sinh đến thừa kể quyền sử dụng đất do đó thuộc thẩm quyền Tòa án giải quyết và hiện nay ông Lê Văn T cũng đã gửi đơn khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất với Ông M tại Tòa án nhân dân thành phố LX để được xem xét giải quyết vụ án theo quy định pháp luật".

+ Văn bản số: 14/UBND ngày 22 tháng 02 năm 2022 của UBND phường Mỹ Phước: UBND phường M Ph có nhận được Công văn số 504/TA.DS của Tòa án nhân dân thành phố LX ngày 16/11/2022 về việc cung cấp thông tin trong vụ án dân sự số 194/2018/TLST-DS ngày 31/8/2018, về việc tranh chấp "Quyền sử dụng đất" giữa nguyên đơn ông Lê Văn T, bà Trần Thị Bạch T2 và bị đơn Nguyễn Văn M. UBND phường Mỹ Phước sau khi rà soát, đối chiếu hồ sơ, cung cấp thông tin như sau:

1. Về nguồn gốc đất: UBND phường M Ph đã phối hợp cùng Thanh tra và Phòng TN&MT TP.LX thực hiện Công văn số 600/VP-NC ngày 08/8//2017 của UBND TP.LX về việc giao Thanh tra và Phòng Tài nguyên và Môi trường báo cáo đề xuất giải quyết vụ việc tranh chấp đất của ông Nguyên Văn Mâng với ông Lê Văn T, đất tọa lạc tại khóm Đ Th 3, phường MPh. Qua đó, đoàn công

tác đã tiến hành xác minh nguồn gốc đất như sau: Ông M cho rằng ông Nguyễn Văn Th4 (cha ruột) quản lý, sử dụng trước năm 1975, khi ông Thé mất năm 1999 cho lại ông quản lý cho đến nay. Ông T cho rằng bà Nguyễn Thị C (dì ruột) cho quản lý sử dụng khoảng năm 1980. Cả 02 bên không có giấy tờ chứng minh nguồn gốc đất.

2. UBND phường đã tiến hành rà soát Sổ bộ thuế đất tại địa phương, hiện không có phần diện tích đất 134,1m2 nêu trên có trong sổ bộ.

3. Qua rà soát sổ mục kê đất năm 2004 (thực hiện chủ trương đo đạc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đại trà) thì ông Nguyễn Văn M có kê khai phần đất diện tích 1.983m2 (đất ở: 200 m2, đất LNK: 1783 m2) thuộc thửa 51, tờ bản đồ số 23, trong đó có phần diện tích đất: 134,1m2. Tuy nhiên, ông Nguyễn Văn M chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

4. Đối với hồ sơ kê khai đăng ký cấp GCN QSDĐ đối với thửa đất nêu trên không đủ theo quy trình thủ tục hành chính nên địa phương không thể trả lời đủ điều kiện để cấp GCN QSDĐ hay không.

Như vậy rõ ràng cả 02 cấp chính quyền và Cơ quan quản lý Nhà nước về đất đai tại nơi có đất tranh chấp vẫn chưa có tài liệu chứng cứ kết luận diện tích đất đang tranh chấp giữa hộ Ông T và Ông M nói trên là do bên nào đã có quá trình trực tiếp quản lý, xuyên suốt lâu dài để đủ điều kiện được công nhận quyền sử dụng đất (Bao gồm cả diện tích 134,1 m2 mà Ông T yêu cầu và diện tích diện tích 35,9m^2 bị thu hồi giải tỏa tương ứng với số tiền 72.662.100 đồng được bồi hoàn chưa xác định được người hưởng thụ).

Quá trình Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án, ngoài các tài liệu hồ sơ được UBND phường Mỹ Phước và UBND thành phố LX cung cấp nói trên, Tòa án cấp sơ thẩm cũng chưa thu thập bổ sung được tài liệu chứng cứ xác thực nào chứng minh về quyền sử dụng đất tranh chấp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Đối với tranh chấp số tiền do Nhà nước bồi hoàn**:** Trong quá trình giải quyết tại cơ quan Nhà nước ban đầu, Ông T tranh chấp toàn bộ phần đất, bao gồm tiền bồi hoàn diện tích đất bị thu hồi 35,9m2 và diện tích đất còn lại hai bên tranh chấp là 177,6 m2. Sau khi được Nhà nước hướng dẫn khởi kiện ra tòa án thì Ông T chỉ có đơn yêu cầu tranh chấp diện tích đất còn lại sau thu hồi, thế nhưng lúc này Ông T nại ra lý do trong tổng số 177,6m2 theo bản vẽ làm căn cứ thu hồi đất, ông chỉ còn tranh chấp 134,1m2, phần còn lại chênh lệch 35,9m2 ông cho rằng của em ông quản lý sử dụng. Ngoài tranh chấp diện tích đất 134,1m2 thì Ông T không có tranh chấp số tiền Nhà nước bồi hoàn 72.662.100 đồng.

Các khoản tiền bồi hoàn ông Nguyễn Văn M có đơn yêu cầu độc lập đề nghị tòa án công nhận các khoản 72.662.100đ theo quyết định số: 268/QĐ-UBND ngày 04/04/2016 và 2.000.000đ theo quyết định khen thưởng số: 684/QĐ-UBND ngày 17/06/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố LX.

Mặc dù quá trình tố tụng ở cấp sơ thẩm, phía nguyên đơn Ông T thừa nhận

không có tranh chấp số tiền bồi hoàn và cũng không yêu cầu tòa án giải quyết, nhưng phía bị đơn đã phản tố yêu cầu được thụ hưởng số tiền Nhà nước bồi hoàn 72.662.100 đồng liên quan đến diện tích đất 35,9m^2 mà nguyên đơn phản tố tranh chấp. Đáng lẽ Tòa án cấp sơ thẩm phải điều tra xác minh làm rõ cá nhân, tổ chức cơ quan nào đang quản lý số tiền này để đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Việc cấp sơ thẩm chưa thu thập chứng cứ làm rõ quan hệ tranh chấp số tiền bồi hoàn 72.662.100 đồng và không đưa đầy đủ những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng, cũng như việc tuyên xử không chấp nhận toàn bộ các yêu cầu yêu cầu phản tố của bị đơn là chưa bảo đảm căn cứ pháp luật.

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh AG đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh AG, căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, phúc xử: Chấp nhận kháng cáo; hủy toàn bộ bản án số 95/2023/DS-ST ngày 06/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố LX; giao hồ sơ về cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các tài liệu chứng cứ, ý kiến trình bày và tranh luận tại phiên tòa của các đương sự, ý kiến của Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành đúng trình tự thủ tục, đơn kháng cáo ông Nguyễn Minh T4 là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Ông M, Bà Ph1là bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo trong hạn luật định có đóng tiền, tạm ứng án phí phúc thẩm, nên được xem xét chấp nhận.

Xét kháng cáo của ông Nguyễn Minh T4 là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Ông M, Bà Ph1là bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét Sửa Bản án sơ thẩm số 95/2023/DSST ngày 06/6/2023 của TAND thành phố LX Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T đối với phần đất diện tích 134,1m^2, công nhận diện tích 134,1m^2 thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông Nguyễn Văn M và số tiền bồi hoàn thu hồi đất gồm: 72.662.100đ và tiền thưởng 2.000.000đ theo Quyết định số 268/QĐ-UBND ngày 04/4/2016 và 2.000.000đ theo Quyết định khen thưởng số 684/ QĐ-UBND ngày 17/6/2016 của UBND thành phố LX cho ông Nguyễn Văn M, Ông M chết nên tạm giao cho ông Nguyễn Văn Th quản lý, sử dụng. Trường hợp Tòa án cấp phúc thẩm xem xét Tòa sơ thẩm có vi phạm tố tụng thì yêu cầu Hủy bản án sơ thẩm.

Hội đồng xét xử xét thấy: Diện tích đất tranh chấp 134,1m^2 tọa lạc tại đường Triệu QPh phường M Ph, thành phố LX, các bên nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều thống nhất có nguồn gốc của ông bà họ tộc để lại cho bà Trần Thị Đ (bà nội Ông M và là bà ngoại của Ông T) đứng tên kê khai với diện tích chung trên 02 hec ta thuộc các thửa 136, 147 trên

"Biên bản thiết lập quyền sở hữu" và được Ty Địa bộ và Đo vẽ địa hình (thời pháp thuộc) xác lập vào ngày 25/8/1915. Bà Đ là bà nội của Ông M, Bà Ph1và là bà ngoại của Ông T, mỗi bên đều được hưởng quyền sử dụng đất của Bà Đđể lại và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, riêng phần diện tích đất ao 134,1m^2 chưa được các bên kê khai xin cấp giấy. vào năm 2004 Ông M có kê khai diện tích 1.983m^2 trong đó có phần diện tích 134,1m^2 theo dạng tự kê khai đại trà, nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cấp sơ thẩm căn cứ vào quá trình giải quyết tranh chấp đất đai tại các cơ quan quản lý Nhà nước thể hiện ông Lê Văn T là người trực tiếp quản lý, sử dụng phần đất nầy để nuôi cá, đến năm 2000 vì nước không dẫn vào được nên Ông T không nuôi cá nữa và bỏ ao trống cho đến nay, như vậy Ông M, Bà Ph1không trực tiếp sử dụng đất, không khai thác công dụng hưởng hoa lợi từ tài sản, điều nầy còn phù hợp khi Ông T, Bà T2 có sử dụng đất để cất nhà bếp, khai thác công dụng trên đất để trồng cây ăn quả và phần diện tích đất ao này gắn liền với thửa của Ông T Bà T2. Mặc khác tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự cũng xác định đất giáp với diện tích 134,1m^2 là của bà My và bà My đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, và bà My được ông, bà cho ở trước đây, chứ không phải Ông M, việc đào ao nuôi cá Ông T sử dụng phần đất đào ao để đắp nền nhà, cất nhà ở hiện nay, người đại diện nguyên đơn cung cấp chứng minh việc sử dụng đất các biên lai nộp thuế đối với diện tích đất đang tranh chấp, và nguyên đơn đã bơm lắp cát sử dụng không còn là ao hầm nữa. Nên cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn là có căn cứ.

[2] Viện kiểm sát cho rằng cấp sơ thẩm chưa thu thập chứng cứ làm rõ quan hệ tranh chấp số tiền bồi hoàn 72.662.100 đồng và không đưa đầy đủ những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng, cũng như việc tuyên xử không chấp nhận toàn bộ các yêu cầu phản tố của bị đơn là chưa bảo đảm căn cứ pháp luật nên đề nghị hủy bản án dân sự sơ thẩm, Hội đồng xét xử xét thấy qua phân tích và diễn biến phiên phúc thẩm, cấp sơ thẩm đã đưa Ủy ban nhân dân thành phố LX vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là đúng tư cách người tham gia tố tụng và đã giải quyết triệt để vụ án, vì UBND thành phố LX là cơ quan quản lý nhà nước căn cứ vào các quy định pháp luật thì có quyền ra quyết định thu hồi, bồi hoàn, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng. Đề nghị của đại diện kiểm sát chấp nhận kháng cáo hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 95/2023/DS-ST ngày 06/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố LX là không có căn cứ nên không có cơ sở để xem xét.

Từ những nhận định trên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Minh T4 là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Ông M, Bà Ph1là bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên Ông tphải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 2, khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, Điều 68, Điều 85, Điều 86, khoản 1 Điều 146, khoản 1 Điều 147, Điều 150, Điều 157, Điều 186, Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 182, Điều 183, Điều 184, Điều 189 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 99, Điều 100, Điều 101, Điều 103, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013;

Điều 2; Điều 6; Điều 7; Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Minh T4.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 95/2023/DS-ST ngày 06/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố LX.

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ông Lê Văn T, bà Trần Thị Bạch T2 được quyền quản lý, sử dụng phần diện tích đất 134,1m^2 được giới hạn bởi các điểm 5, 19, 16, 4 theo Bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh LX lập ngày 23/8/2019.

Ông T, Bà T2 có trách nhiệm liên hệ các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền kê khai, xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thực hiện quyền, nghĩa vụ chung của người sử dụng đất theo quy định pháp luật.

[2] Không chấp nhận yêu cầu phản tố ông Nguyễn Minh T4 và yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Ph, về việc:

Yêu cầu được quản lý, sử dụng phần diện tích 134,1m^2 được giới hạn bởi các điểm 5, 19, 16, 4 theo Bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh LX lập ngày 23/8/2019;

Yêu cầu Ông T, Bà T2 tháo dỡ mái che có diện tích 16,5m^2;

Yêu cầu được sở hữu số tiền 72.662.100 đồng do Nhà nước thu hồi diện tích đất ao 35,9m^2 theo Quyết định thu hồi đất số 137/QĐ-UBND do Ủy ban nhân thành phố LX ký ngày 04/4/2016 và Quyết định bồi thường giá trị đất số 268/QĐ-UBND do Ủy ban nhân dân thành phố LX ký ngày 04/4/2016.

[3] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn tự nguyện chịu chí phí tố tụng và đã thực hiện xong.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn Kh, Nguyễn Văn Ph, bà Nguyễn Thị Thùy L, ông Nguyễn Minh T4 là người kế thừa quyền, nghĩa vụ của Ông M, Bà Ph1phải liên đới nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Minh T4 phải nộp 3.633.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào 2.100.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001284 ngày 18/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX. Ông tphải tiếp tục nộp 1.533.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho ông Lê Văn T, bà Trần Thị Bạch T2 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008121 ngày 12/4/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Minh T4 phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0001971 ngày 26/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự LX.

Các phần khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh AG;
- Chi cục THADS Huyện;
- TAND Huyện;
- Tòa Dân sự;
- Phòng KTNV và THA;
- Văn phòng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Minh Lễ